

Bản án số: **43/2018/DS-ST**
Ngày: 29/8/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Trương Hoài Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà
Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá,
Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:
36/2015/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2015, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm
2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V;

(*Trước đây là Ngân hàng TMCP L*);

Địa chỉ: số 35 V, quận K, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N, chức vụ: Phó trưởng phòng khách
hàng cá nhân thuộc Ngân hàng TMCP V chi nhánh Kiên Giang (*có mặt*).

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 101/QĐ-BIDV.RG-TH ngày
18/6/2015).

*** Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1976 (*vắng mặt*);

- Bà Trang Thúy Kiều N2, sinh năm 1979 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số 233 đường L, khu phố 3, phường B, Tp. G, Kiên Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1924 (*vắng mặt*);

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1949 (*vắng mặt*);

- Bà Nguyễn Thị M (*vắng mặt*);

- Ông Nguyễn Văn S (*vắng mặt*);

- Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1955 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1957 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Văn S2 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1967 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 233 đường L, khu phố 3, phường B, Tp. G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Ngày 18/7/2009 ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 có ký hợp đồng tín dụng số T.C.0141.09/HĐTD vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, với mục đích sửa chữa nhà ở QSDĐ. Cụ thể: lãi suất trong hạn 1,05/tháng. Lãi suất quá hạn 1,575%/tháng. Thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/07/2012. Phương thức trả nợ như sau: tiền lãi trả hàng tháng, nợ gốc trả 03 kỳ là ngày 18/7/2010 trả 30 triệu đồng, ngày 18/7/2011 trả 35.000.000 đồng, ngày 18/7/2012 trả 35.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm số tiền vay trong hợp đồng tín dụng là nhà ở, đất ở, đất vườn tại số 233 đường L, phường B, thị xã G, tỉnh Kiên Giang, theo các giấy tờ sau: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301061772 do UBND thị xã G cấp ngày 29/9/2004, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 66; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 86059, vào sổ cấp giấy 3955/04QSDĐ/AB do UBND thị xã G cấp ngày 29/9/2004, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 66.

Tài sản thế chấp của bên thứ 3 là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B1 được thực hiện theo hợp đồng thế chấp số 0279.09/HĐTC, được đăng ký thế chấp ngày 27/7/2009 và chứng thực tại UBND phường B ngày 24/7/2009.

Thực hiện hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho ông N1, bà N2 số tiền 100 triệu đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng N1, bà N2 đã thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc là 30.200.000 đồng, nợ lãi là 67.004.300 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông bà vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 30/6/2014 ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 còn nợ Ngân hàng số tiền 97.452.000 đồng (trong đó vốn gốc là 69.800.000 đồng, lãi là 27.652.000 đồng).

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc lãi tính đến ngày 29/8/2018 là

155.405.666 đồng, trong đó nợ gốc là 69.799.865 đồng, nợ lãi 85.605.801 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 30/8/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trọng N1 trình bày:** Ông N1 xác định ông và bà Trang Thúy Kiều N2 có vay của Ngân hàng TMCP L phòng giao dịch Rạch Sỏi, theo hợp đồng tín dụng số T.C.0141.09/HĐTD ngày 18/7/2009 số tiền gốc 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/07/2012. Lãi suất vay trong hạn là 1.05%/tháng, lãi suất quá hạn 1,575%/tháng, mục đích vay sửa chữa nhà ở quyền sử dụng đất, khi vay đến nay đã trả được 30.200.000 đồng tiền gốc và đóng lãi.

Tài sản đảm bảo nợ vay được thể hiện tại hợp đồng thế chấp số 0279.09 ngày 18/7/2009 gồm: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301061772 do UBND thị xã G cấp ngày 29/9/2004 có diện tích 300,0 m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 66, do ông Nguyễn Văn D đứng tên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 86059, có diện tích 24,87m², vào sổ cấp giấy chứng nhận số 3955/04QSDĐ/AB do UBND thị xã G cấp ngày 29/9/2004, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 66, do ông Nguyễn Văn D đứng tên.

Ông N1 đồng ý trả gốc cho Ngân hàng và yêu cầu không tính lãi, yêu cầu qua tết âm lịch 2015 trả 40.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả sau 02 tháng.

Tại phiên tòa, ông Nghĩa vắng mặt.

*** Bị đơn bà Trang Thúy Kiều N2:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa bà Kiều Nhỏ vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa ông Diệp vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn B:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo về việc bổ sung người tham gia tố tụng hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa, ông K, bà M, ông S, ông M1, ông S1, ông S2, ông L, ông L2, ông B vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc xác định tư cách đương sự và đưa vào tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và đưa họ vào tham gia tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 471, 473, 474, 476, 302, 355, 361, 362, 363, 366, 367, 369 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 12 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông N1, bà N2 phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi là 155.405.666 đồng và lãi phát sinh từ ngày 30/8/2018 cho đến khi thanh toán dứt nợ, nếu không trả được nợ thì tuyên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Mặt khác

Tòa án đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn B.

- Do bà Nguyễn Thị B1 là người ký hợp đồng thế chấp số 0279.09 ngày 18/7/2009 - là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã chết vào năm 2011. Căn cứ, vào Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn B là những người con ruột của bà Nguyễn Thị B1 và ông Nguyễn Văn D là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị B1 và đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 có địa chỉ tại 233 đường L, khu phố 3, phường B, Tp. G, Kiên Giang phải trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 36/2015/TLST-DS ngày 09/01/2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thống nhất xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[3] Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng TMCP L (Nay là Ngân hàng TMCP V) và ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 ký kết hợp đồng tín dụng số T.C.0141.09/HĐTD ngày 18/7/2009, như vậy hợp đồng tín dụng đã được hai bên giao kết thực hiện hợp đồng trước ngày 01/01/2017. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các Điều luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L (Nay là Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số T.C.0141.09/HĐTD ngày 18/7/2009, theo đó Ngân hàng cho Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay sửa chữa nhà ở quyền sử dụng đất. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N1, bà N2

đã vi phạm hợp đồng, số tiền hiện nay ông N1, bà N2 còn nợ Ngân hàng là 155.405.666 đồng (nợ gốc là 69.799.865 đồng; nợ lãi là 85.605.801 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trọng N1 xác định có vay vốn của Ngân hàng thương mại cổ phần L (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần V), ông N1 đồng ý trả gốc cho Ngân hàng và yêu cầu không tính lãi, yêu cầu qua tết âm lịch 2015 trả 40.000.000 đồng, phần còn lại sẽ trả sau 02 tháng.

Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trang Thúy Kiều N1, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối ý kiến của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Trang Thúy Kiều N2, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn S2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn B đã không có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Xét hợp đồng tín dụng số T.C.0141.09/HĐTD ngày 18/7/2009 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần V) với ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N1 được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp. Căn cứ vào Điều 342, 343, 471, 473, 474, 476, 715 của Bộ luật dân sự năm 2005 do vậy phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 0279.09 ngày 18/7/2009. Sau khi vay tiền do ông N1, bà Kiều N2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng, thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số 0279.09 ngày 18/7/2009 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng tài nguyên môi trường thành phố G ngày 25/7/2009. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005 được hướng dẫn tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về

giao dịch bảo đảm thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Trọng N1 và bà Trang Thúy Kiều N2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần L) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0279.09 ngày 18/7/2009 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vay vốn lãi tính đến thời điểm xét xử hôm nay (29/8/2018) là 155.405.666 đồng (nợ gốc là 69.799.865 đồng; nợ lãi 85.605.801 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/8/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 2 Điều 27 và mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 155.405.666 đồng là: $155.405.666 \text{ đồng} \times 5\% = 7.770.283 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (Trước đây là Ngân hàng TMCP L) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000 đồng.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V phải có nghĩa vụ nộp là 1.350.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0087372 ngày 09/6/2018 của Báo công lý Tòa án nhân dân Tối cao và 1.500.000 đồng theo phiếu thu số 220572 ngày 22/5/2018 của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông đa phương tiện tại thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 302, 342, 343, 351, 355, 361, 362, 363, 367, 369, 471, 473, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Điều 48 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 2 Điều 27 và mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Pháp

lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (trước đây là Ngân hàng TMCP L) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2.

Buộc ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vốn lãi của hợp đồng tín dụng số T.C.0141.09/HĐTD ngày 18/7/2009 tính đến ngày 29/8/2018 là 155.405.666 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm lẻ năm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngoài ra, ông N1 và bà N2 còn phải có trách nhiệm liên đới trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số T.C.0141.09/HĐTD ngày 18/7/2009 kể từ ngày 30/8/2018 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Trọng N1, bà Trang Thúy Kiều N2 không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất vườn, diện tích 24,87 m², tọa lạc tại đường L, khu phố 8 (nay là khu phố 3), phường B, thị xã G (nay là thành phố G, Kiên Giang, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 66 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 186059, sổ vào sổ 3955/04 QSDĐ/AB do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G (nay là thành phố G) cấp ngày 29/9/2004, đứng tên Nguyễn Văn D.

- Quyền sử dụng đất ở, diện tích đất 300,0m², thửa đất số 12a, tờ bản đồ số 66; quyền sử dụng nhà ở diện tích 37,54m², nhà cấp 4; nhà đất tọa lạc tại 233 đường L, khu phố 8 (nay là khu phố 3), phường B, Thị xã G (nay là thành phố G, Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301061772 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G (nay là thành phố G) cấp ngày 29/9/2004, đứng tên Nguyễn Văn D.

Các tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng tài nguyên môi trường thành phố G ngày 25/7/2009.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 186059, sổ vào sổ 3955/04 QSDĐ/AB do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã G (nay là thành phố G) cấp ngày 29/9/2004, đứng tên Nguyễn Văn D và 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5301061772 do Chủ tịch

Ủy ban nhân dân thị xã G (nay là thành phố G) cấp ngày 29/9/2004, đứng tên Nguyễn Văn D.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Trọng N1, bà Phan Thúy Kiều N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 7.770.283 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi nghìn hai trăm tám mươi ba đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (trước đây là Ngân hàng TMCP L) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.400.000 đồng, theo biên lai thu số 06731 ngày 01/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V phải có nghĩa vụ nộp là 1.350.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0087372 ngày 09/6/2018 của Báo công lý Tòa án nhân dân Tối cao và 1.500.000 đồng theo phiếu thu số 220572 ngày 22/5/2018 của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông đa phương tiện tại thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn đã nộp xong.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/8/2018). Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN